

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/7/2020.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Và Kíu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Đài

Bà Đào Thị Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1985

HKTT: Số 113, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Số 76/3 ấp T, xã HN 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

\* Bị đơn: **Anh Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1987

Trú tại: Số 113, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã HN 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 13/7/2009.

Thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập và hay ghen tuông vô cớ với chị. Vợ chồng

sống chung nhưng không tin tưởng nhau. Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã diễn ra trong thời gian dài, chị đã nhiều lần giải thích nhưng anh T không thay đổi, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu tháng 5/2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Khai T, sinh ngày 15/4/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/01 con/01 tháng.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

*\* Tại bản tự khai, biên bản đối chất, bị đơn – anh Nguyễn Quốc T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã HN 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận ngày 13/7/2009.

Quá trình chung sống, anh và chị D thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh và chị D bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong thời gian dài, không còn tin tưởng nhau, đã sống ly thân từ đầu tháng 5/2020 cho đến nay. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng do anh là người theo đạo nên không ký các biên bản thuận tình ly hôn theo quy định.

*Về con chung:* Anh và chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Khai T, sinh ngày 15/4/2014. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D số tiền 2.000.000đ/01 con/01 tháng.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:***

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

*Về nội dung vụ án:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HN 3 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 52 Luật HNGĐ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T; Về con chung: Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, đề nghị giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Khai T, sinh ngày 15/4/2014 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/ 1 con/ 1 tháng; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Xét về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc D và bị đơn – anh Nguyễn Quốc T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Xét về yêu cầu khởi kiện:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HN 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 13/7/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, vụ án được thụ lý ngày 05/5/2020 nên áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh T đều thống nhất: Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài và những mâu thuẫn này ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân từ đầu tháng 5/2020 cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị D và anh T bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, không còn tin tưởng nhau. Chị D yêu cầu được ly hôn với anh T và anh T đồng ý ly hôn nhưng không ký các biên bản thuận tình ly hôn theo quy định do là người theo đạo. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị B (là mẹ của chị D, BL 20) thể hiện mâu thuẫn giữa chị D và anh T là có thật và những mâu thuẫn này đã trầm trọng, bà đã đứng ra hòa giải đoàn tụ cho hai vợ chồng nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn do hai bên không có sự tin tưởng và tôn trọng nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị D được ly hôn với anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Khai T, sinh ngày 15/4/2014. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/01 con/01 tháng.

Anh T đồng ý với các yêu cầu này của chị D, đồng thời việc giao con cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K (BL 18) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị D và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, 147, 220, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

**1.** Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Khai T, sinh ngày 15/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Ngọc D, mỗi cháu 2.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Nguyễn Quốc T.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007145 ngày 04/5/2020

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị D đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Quốc T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho chị D và anh T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã Hố Nai 3;  
(GCNKH số 97 ngày 13/7/2009)
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Và Kíu**

